

Đại sư Hiến Kỳ và quá trình truyền thừa tông Thiên Thai tại Việt Nam

Huỳnh Hoàng Nam*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Vào đầu thế kỷ XX, Đại sư Hiến Kỳ (1858-1932), trụ trì Thanh Sơn thiền viện (Thanh Sơn tự), Hồng Kông, Trung Quốc, điều động các thiên chức Minh Sư đạo tại Long An đến Hồng Kông xuất gia, thọ giới, gia nhập tông Thiên Thai, gián tiếp truyền tông này đến Việt Nam. Sau khi du nhập, tông này đã nhanh chóng được đón nhận, nhờ đó mà lạc địa sinh căn, phân bố rộng khắp hai miền Nam - Bắc, trở thành một trong chín hệ phái Phật giáo tham gia thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981 tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Nghiên cứu trước nay về Đại sư Hiến Kỳ và quá trình truyền thừa tông Thiên Thai tại Việt Nam còn khá nhiều hạn chế do thiếu nguồn tư liệu tham khảo và đối sánh, khiến thông tin về thân thế của nhân vật này trở nên không nhất quán. Thông qua các phương pháp điền dã, phỏng vấn sâu và so sánh, kết hợp với những tư liệu do tác giả sưu tầm như: Hộ giới điệp của Giới đàn chùa Thanh Sơn năm Dân Quốc 18, phán quyết thư về tranh chấp giữa trụ trì cuối cùng của chùa Thanh Sơn và Đào tộc tại Đồn Môn, Hồng Kông, thư từ qua lại giữa Đại sư Hiến Kỳ, Đại sư Bảo Tịnh và Tổ sư Đế Nhàn, cùng những tài liệu nội bộ của Minh Sư đạo, bài viết nghiên cứu về quá trình truyền thừa tông Thiên Thai đến Việt Nam, làm rõ thân thế và đạo nghiệp của Đại sư Hiến Kỳ.

Từ khoá: Đại sư Hiến Kỳ, Thanh Sơn thiền viện, Minh Sư đạo, tông Thiên Thai

DẪN NHẬP

Tông Thiên Thai được Đại sư Trí Giả (538-597) sáng lập tại núi Thiên Thai, Chiết Giang, Trung Quốc vào cuối thời Trần, đầu thời Tùy [1, tr.1] dựa trên nền tảng tư tưởng của bộ *Đại Trí Độ luận* và *Kinh Pháp Hoa*.

Thiên Thai là một trong những tông phái Phật giáo xuất hiện sớm nhất tại Trung Hoa, nguyên mạch tư tưởng của tông này bắt nguồn từ *Trung Quán luận* của Sơ tổ Long Thọ (150-250) ở Ấn Độ, được Cưu Ma La Thập (344-413) phiên dịch và giới thiệu, sau đó trải qua quá trình tái sáng tạo của Nhị tổ Huệ Văn (? - ?), Tam tổ Huệ Tư (515-577) và đặc biệt là Tứ tổ Trí Giả mà lạc địa sinh căn [2, tr.2]. Tông này, được Đại sư người Nhật, đạo hiệu Tōji Trùng (767-822) truyền đến Nhật Bản vào thế kỷ IX³ và Đại sư Hiến Kỳ (1858-1932) gián tiếp truyền đến Việt Nam vào đầu thế kỷ XX.

Đại sư Hiến Kỳ, thế danh Trần Xuân Đình, tự Cát Tường, xuất thế năm Mậu Ngọ (1858), viên tịch năm Nhâm Thân (1932), trụ trì Thanh Sơn thiền viện, Hồng Kông, là đệ tử xuất gia của Tổ sư Đế Nhàn (1858-1932), húy Cổ Hư, hiệu Trác Tam, vị cao tăng Trung Hoa đầu Dân Quốc, được tôn xưng là “Tổ sư chấn hưng Thiên Thai thời cận đại”. Trước khi xuất

gia, ngài vốn là thiên chức^a đạo Minh Sư, đến Hồng Kông truyền đạo vào cuối thế kỷ XIX, sau cải đạo theo Phật, gia nhập tông Thiên Thai, gián tiếp truyền tông này về Việt Nam, được tu sĩ và tín đồ tôn xưng là “Sơ tổ tông Thiên Thai Việt Nam”.

Hiện nay, nghiên cứu về truyền bá tông Thiên Thai tại Việt Nam có quyển *Cao tăng tông Thiên Thai Trung Hoa* của Hòa thượng (HT) Thích Tắc Phi (2012), *Tông Thiên Thai Việt Nam* của Hà Văn Dũng (2014), bài viết “Tông Thiên Thai Giáo Quán tông” của Thích Nữ Diệu Lạc Nga (2021) và “Sơ khảo tiểu sử Đại sư Hiến Kỳ - Sơ Tổ tông Thiên Thai Việt Nam” của Thích Tuệ Chánh, Thích Nữ Viên Phát (2024).

HT Thích Tắc Phi - Tông phó Thiên Thai Giáo Quán tông, là người đặt nền tảng cho nghiên cứu về tông Thiên Thai tại Việt Nam. Quyển *Cao tăng tông Thiên Thai Trung Hoa* của ngài, biên soạn tiểu sử 124 vị danh tăng tông Thiên Thai, trong đó có tiểu sử của Đại sư Hiến Kỳ. Nghiên cứu của Hà Văn Dũng và Thích Nữ Diệu Lạc Nga chủ yếu dựa vào nguồn tư liệu này. Tuy nhiên, do thiếu tư liệu tham khảo, nên tiểu sử Đại sư Hiến Kỳ do HT Thích Tắc Phi biên soạn có nhiều thông tin chưa chuẩn xác như: HT Thích Hiến Kỳ sinh

^aThiên chức là thuật ngữ của Minh Sư Đạo, tương tự như chức sắc, dùng để chỉ những vị đã được tấn phong giáo phẩm.

Đại học Quốc lập Thành Công, Đài Loan, NCKU-TW

Liên hệ

Huỳnh Hoàng Nam, Đại học Quốc lập Thành Công, Đài Loan, NCKU-TW

Email: namspnv1418@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 26-02-2025
- Ngày sửa đổi: 15-07-2025
- Ngày chấp nhận: 10-10-2025
- Ngày đăng: xx-xx-xxxx

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Hoàng Nam H. *Đại sư Hiến Kỳ và quá trình truyền thừa tông Thiên Thai tại Việt Nam*. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; x(x):xxxx-xxxx.

năm 1863, mất năm 1936, mở giới đàn tại Thanh Sơn thiền viện vào các năm 1933 và 1935.

Hà Văn Dũng (Thích An Ngôn) là đệ tử xuất gia của HT Thích Tắc Phi, quyển Luận án Tiến sĩ *Tông Thiên Thai Việt Nam* được thực hiện khi tu sĩ này đang theo học tại Đại học Sư phạm Hoa Trung, Trung Quốc. Nội dung luận án trình bày về lịch sử hình thành tông Thiên Thai Trung Hoa, truyền bá tông Thiên Thai tại Việt Nam, mối quan hệ giữa tông Thiên Thai Việt Nam và văn hoá bản địa. Tuy nhận được đánh giá cao từ hội đồng phản biện và nhiều học giả nghiên cứu về Phật giáo ở Trung Quốc, nhưng có không ít thông tin về thân thế và đạo nghiệp của Đại sư Hiên Kỳ trong luận án chưa chuẩn xác do chỉ tham khảo từ một nguồn tư liệu và thiếu đối sánh trong nghiên cứu. Bài viết “Tông Thiên Thai Giáo Quán tông” của Thích Nữ Diệu Lạc Nga, giới thiệu về lịch sử hình thành, tư tưởng chủ đạo, truyền bá tông Thiên Thai tại Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam. Trong bài viết, tu sĩ này chỉ ra tông Thiên Thai Việt Nam là một trong chín hệ phái Phật giáo tham gia thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981 tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Ngoài ra, bài viết còn giới thiệu về Sơ tổ Hiên Kỳ và lịch đại Tông trưởng Thiên Thai tông Việt Nam gồm: HT Thích Liễu Thiện, HT Thích Đạt Pháp và HT Thích Tắc Lãnh. Trong đó, phần tiểu sử của Đại sư Hiên Kỳ xuất hiện không ít sai sót do ảnh hưởng từ nguồn tư liệu tham khảo.

Nghiên cứu “Sơ khảo tiểu sử Đại sư Hiên Kỳ - Sơ tổ tông Thiên Thai Việt Nam” do tu sĩ Trung Quốc Thích Tuệ Chánh và nghiên cứu sinh Việt Nam Thích Nữ Viên Phát tại trường Đại học Thượng Hải thực hiện, chỉ ra những bất đồng về thân thế của Đại sư Hiên Kỳ như quốc tịch, thế danh, năm sinh, năm mất, năm xuất gia-thọ giới; đưa ra những căn cứ có tính xác thực cao nhằm cải chánh những ghi chép chưa chuẩn xác, đồng thời giới thiệu về ba vị thiện tri thức có ảnh hưởng đến quá trình xuất gia và hoàng pháp của ngài Hiên Kỳ. Tuy nhiên, hai tác giả này chưa đề cập đến mối quan hệ giữa Đại sư Hiên Kỳ và đạo Minh Sư Việt Nam, nguyên nhân xuất gia của nhân vật này, cũng như thời điểm chính xác tông Thiên Thai truyền đến Việt Nam.

Thông qua tư liệu nội bộ của đạo Minh Sư, tài liệu liên quan đến nguyên nhân cải đạo của Đại sư Hiên Kỳ và kết quả phỏng vấn sâu với Hồ Xương Phong, Đường chủ Nam Nhã Phật đường, Cần Thơ, nơi lưu trữ số lượng lớn tư liệu chữ Hán của giáo phái này, bài viết bổ sung những nội dung quan trọng chưa được nghiên cứu về cuộc đời và đạo nghiệp của ngài Hiên Kỳ trong tương quan với giáo phái Minh Sư đạo và nguyên nhân cải đạo của ngài.

Do có nhiều cống hiến không chỉ đối với Phật giáo Việt Nam mà còn đối với Phật giáo Hồng Kông; trong đó, cống hiến lớn nhất là góp phần truyền tông Thiên Thai đến Hồng Kông và xây dựng Thanh Sơn thiền viện, nên có nhiều tư liệu đề cập đến cuộc đời và hành trạng của Đại sư Hiên Kỳ tại Hồng Kông như: *Thanh Sơn thiền viện đại quán* của Lâm Đại Khôi (1927), “Thời kỳ đầu phát triển của Phật giáo Hồng Kông” của Diệp Văn Ý (1992), “Nguồn gốc Phật giáo Hồng Kông” của Cao Vĩnh Tiêu (1992), *Đốn Môn: Lịch sử và văn hóa* của Lưu Trí Bằng (2007), *Nghiên cứu về lịch sử khu vực Đốn Môn, Hồng Kông* của Lưu Trí Bằng và Lưu Thục Vinh (2012), *Lịch sử Phật giáo Hồng Kông* của Đặng Gia Tru (2015), *Tiên tung Phật tích: Trăm năm tin ngưỡng dân gian Hồng Kông* của Ngụy Đình Minh (2019), *Tuyển tập nghiên cứu về lịch sử Hồng Kông* của Lưu Thục Vinh (2021) và *Giám cổ tâm căn: Truy tìm di tích cổ & lịch sử Hồng Kông* của Tiêu Quốc Kiến (2021). Qua đối chiếu tư liệu về cuộc đời và hành trạng của Đại sư Hiên Kỳ giữa các nghiên cứu của học giả Việt Nam và Hồng Kông, cũng như giữa các học giả Hồng Kông với nhau, tác giả phát hiện có nhiều thông tin chưa nhất quán như Bảng 1.

Bảng 1 này cho thấy sự thiếu nhất quán trong thông tin về Đại sư Hiên Kỳ thể hiện ở năm sinh: 1857/1859/1863, năm viên tịch: 1932/1933/1936, quê quán: Long An/Phước Kiến, năm xuất gia: 1918/1922 và năm khai giới đàn: 1926/1929 hay 1928/1933/1935. Nguyên nhân không nhất quán trong kết quả nghiên cứu trước nay là do thiếu tư liệu, đối sánh và kết nối giữa học giả hai nước. Thông qua phương pháp điển dã, phỏng vấn sâu, so sánh và các tư liệu do tác giả bài viết tìm được như: Khai thị của Tổ sư Đệ Nhị Nhân khi thế phát xuất gia cho Trần Xuân Đình, Giới điệp của giới đàn chùa Thanh Sơn năm Dân Quốc 18, Phán quyết của Tòa án tối cao Hồng Kông về tranh chấp giữa trụ trì chùa Thanh Sơn và Đào tộc, thư từ qua lại giữa Đại sư Hiên Kỳ, Đại sư Bảo Tịnh và Tổ sư Đệ Nhị Nhân, cùng một số tư liệu có tính xác thực cao khác, bài viết chỉ ra những thông tin chưa chuẩn xác về thân thế và hành trạng của Đại sư Hiên Kỳ, cung cấp những phát hiện mới về nhân vật này, phân tích quá trình truyền bá tông Thiên Thai đến Việt Nam.

NỘI DUNG CHÍNH

Đại sư Hiên Kỳ là nhân vật chủ chốt trong nghiên cứu về quá trình truyền bá tông Thiên Thai đến Việt Nam. Tại phần này, tác giả bài viết chia cuộc đời của ngài Hiên Kỳ thành ba thời kỳ: thời kỳ thiên chức Minh Sư đạo, thời kỳ cải đạo và thời kỳ truyền Thiên Thai tông. Ở mỗi thời kỳ, bài viết sẽ chỉ ra những thông tin chưa chuẩn xác về thân thế và hành trạng của Đại sư Hiên Kỳ thông qua những tư liệu lịch sử đã được xác

Bảng 1: Thông tin thiếu nhất quán về Đại sư Hiến Kỳ

Tác giả	Thông tin về Đại sư Hiến Kỳ				
	Năm sinh	Năm mất	Quê quán	Năm xuất gia	Năm khai giới đàn
Thích Tắc Phi	1863	1936	Long An	1922	1928, 1933, 1935
Hà Văn Dũng (Thích An Ngôn)					
Thích Nữ Diệu Lạc Nga					x
Đặng Gia Trụ	1859	1932	Phước Kiến	1922	1926, 1929
Cao Vĩnh Tiêu	1859	1932		1918	x
Lưu Thực Vĩnh	1859	1932		1918	
Nguy Đình Minh	1857	1933		1918	
Diệp Văn Ý	x	1933		1918	1926, 1929
Lâm Đại Khôi		x		1918	x
Lưu Trí Bằng		1932		1918	
Lưu Thực Vĩnh		x		1918	1926, 1929
Lưu Trí Bằng					

Chú thích: Ký hiệu “x” biểu thị không được đề cập.
[Nguồn: Tác giả]

thực, từ đó xác định quá trình và thời gian chính xác tông Thiên Thai truyền đến Việt Nam, cũng như mối quan hệ giữ ngài Hiến Kỳ và Minh Sư đạo.

Thời kỳ thiên chức Minh Sư đạo

Minh Sư đạo (Trung Quốc gọi là Tiên Thiên đạo, Tiên Thiên giáo) được Trương Đông Sơ (Trùng Phân, Đình Phân, Đạo Dương, 1835-1879) truyền đến Việt Nam vào năm Tự Đức thứ 16 (1863) [4, tr.310]. Giáo phái này tôn Vô Sanh Lão Mẫu làm giáo chủ, tích cực tuyên dương thuyết Tam kỳ mật kiếp, đề cao vai trò cứu chuộc của Di Lặc Vương Phật và Long Hoa tam hội, chủ trương Tam giáo quy nhất “thủ Nho gia chi đạo, thọ Thích gia chi giới, tu Lão Quân chi đạo” [5, tr.236]. Nhiều tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ được hình thành trên nền tảng của đạo Minh Sư, trong đó có đạo Cao Đài, một trong những tôn giáo lớn được Nhà nước Việt Nam công nhận [4, tr.310]. Minh Sư đạo được Nhà nước cấp đăng ký hoạt động tôn giáo ngày 17 tháng 8 năm 2007, công nhận hoạt động ngày 01 tháng 10 năm 2008⁶.

Trước khi cải đạo, Đại sư Hiến Kỳ là thiên chức đạo Minh Sư, quyển *Cao tăng tông Thiên Thai Trung Hoa* thuật lại thân thế của ngài như sau:

Hòa thượng Thích Hiến Kỳ (1863-1936), thế danh Trần Quốc Lượng, tự Trần Quốc Ngỗi, Trần Cát Tường, pháp danh Đắc Chân, Nhiên Công, pháp hiệu Hiến Kỳ, xuất thế năm Quý Hợi (1863) niên hiệu Tự

Đức thứ 17, quê ở tại xóm Rạch Quao, huyện Cần Giuộc, tỉnh Gia Định nước Việt Nam. Lúc còn thơ ấu, Sư đã ăn chay trường; tuổi niên thiếu, theo các vị lão sư người Trung Hoa xuất gia tu đạo Minh Sư tại vùng Chợ Lớn, Sài Gòn. Sau đó, Sư lại tìm đến Thanh Sơn Đạo Giáo Thuần Dương Cung tại Hồng Kông (Trung Quốc) học đạo. Lần hồi các vị tiền bối đạo Minh Sư liễu đạo, Sư thừa kế chức trụ trì chùa này, đồng thời cũng là Chương môn phái đạo Minh Sư [7, tr.180-181].

Theo đây, Trần Xuân Đình sinh tại xóm Rạch Quao, huyện Cần Giuộc, tỉnh Gia Định, nay là tỉnh Long An. Hồi ký *Sang Tàu thọ giới* của HT Thích Liễu Túc (1915-1978), một trong bảy đệ tử chân truyền của Đại sư Hiến Kỳ cũng khẳng định: “Tổ sanh quán tại Rạch Quao Cần Guộc, Chợ Lớn, theo các lão sư người Trung Hoa tu Minh Sư từ thuở còn niên thiếu, chú ruột của bà Thoại Tám^b, hiện còn ngụ tại chùa Pháp Võ, Phú Xuân, Nhà Bè” [8, tr.18]. Nhưng đại đa số nghiên cứu của học giả Hồng Kông đều cho rằng ngài là người Chương Phố, Phước Kiến, Trung Quốc, chỉ duy nhất Nguy Đình Minh nhận định Trần Xuân Đình là người Hoa Việt Nam [9, tr.42]. Tác giả cho rằng rất có thể khi đến Hồng Kông truyền đạo, Trần Xuân Đình đã che giấu thân phận người Hoa, chỉ cho biết tổ tịch tại Phước Kiến, nên mới dẫn đến bất đồng quan điểm giữa các học giả như hiện nay.

^bTức Thích Nữ Liễu Tướng (1890-1976).

Nhận định Đại sư Hiến Kỳ sinh năm 1863, viên tịch năm 1936 là không chính xác, các tên gọi khác của Trần Xuân Đình như Quốc Lượng, Quốc Ngõi cần được xác minh. Khi Trần Xuân Đình đến chùa Quán Tông, Chiết Giang cầu Tổ sư Đế Nhân thể phát xuất gia, do vốn là thiên chức Tiên Thiên đạo nhưng lại cải đạo theo Phật, sự kiện này có ý nghĩa đặc biệt đối với tông Thiên Thai, nên Tổ sư Đế Nhân đã viết bài văn khai thị với tiêu đề “Người có ý xuất gia nên phát Bồ đề tâm làm căn bản” để thuật lại nhân duyên xuất gia của Trần Xuân Đình như sau:

... Nay có cư sĩ Trần Xuân Đình... vốn là lãnh tụ Tiên Thiên giáo, âm thầm khó nhọc giúp đỡ hậu lai và nam nữ đệ tử học đạo tu nhân kể cũng mười năm. Mùa đông năm Tân Dậu (1921), Trần quân cảm thán năm nay tuổi đã ngoài sáu mươi, tương lai biết còn được mấy hỡi! Lúc này, cư sĩ Cao Hạc Niên nhập sơn bá kiến, Trần quân hết mực mừng vui mà lập ước hẹn tam sinh. Mạnh Tử nói: “Thiên du nhiên tác vân, bá nhiên há vũ, tắc miêu bột nhiên hưng chi hỹ”^c. Nhân duyên giữa Trần Xuân Đình và Cao Hạc Niên cũng từ đây mà kết vầy... Sau đó, hỏi tuổi mới hay, Trần Xuân Đình sinh cùng năm nhưng nhỏ hơn tôi (Đế Nhân) sáu tháng... [10, tr.32]

Theo văn khai thị, Trần Xuân Đình là lãnh tụ Tiên Thiên giáo, sinh sau Tổ sư Đế Nhân sáu tháng, mà Tổ sư Đế Nhân xuất thế vào ngày 14 tháng 2 năm Hàm Phong thứ 8 (1858) [11, tr.188], nên có thể khẳng định Trần Xuân Đình xuất thế vào năm 1858. Ngoài tư liệu này, thì nội dung “tôi với ông cùng tuổi, thất thập cổ lai hy” trong thư của Tổ sư Đế Nhân gửi cho Đại sư Hiến Kỳ vào ngày 11 tháng 2 năm 1930 [10, tr.162], cũng là minh chứng khác để xác định ngài Hiến Kỳ sinh năm 1858. Tuy nhiên, theo bài báo “Hiến Kỳ thượng nhân và Thanh Sơn thiền tự” do Lê Tăng (pháp danh Diệu Kế) đệ tử quy y của Đại sư Hiến Kỳ viết, thì ngài sinh ngày 16 tháng 6 năm 1859 [12, tr.21]. Tổ sư Đế Nhân là người thể phát xuất gia cho Đại sư Hiến Kỳ, nên đối với tuổi tác và xuất thân của nhân vật này chắc chắn tỏ tường, vì sau khi xuất gia, thọ giới phải lập chứng điệp, một trong những thông tin không thể thiếu trong văn bản này chính là năm sinh và tịch quán. Do đó, dù là đệ tử quy y của Đại sư Hiến Kỳ, nhưng nhận định của Lê Tăng vẫn thiếu tính thuyết phục hơn bản văn khai thị của Tổ sư Đế Nhân.

Các tên gọi khác của Trần Xuân Đình như Quốc Lượng hay Quốc Ngõi đều chưa được chứng thực. Tác giả từng liên hệ với HT Thích Tắc Phi để xác minh tính chuẩn xác của các tên gọi này, nhưng được cho biết ngay cả bản thân HT Thích Tắc Phi cũng chưa xác thực được đây có phải là tên gọi khác của Trần

^cNghĩa là “Trời ừn ừn nổi mây, âm âm trút mưa, là lúc lúa non vụt phát”.

Xuân Đình hay không^d. Hiện nay, tất cả các tư liệu về Trần Xuân Đình ở Hồng Kông đều ghi nhận Đại sư Hiến Kỳ, thế danh Trần Xuân Đình, tự là Cát Tường. Do đó, các tên gọi khác được đề cập trong quyển *Cao tăng tông Thiên Thai Trung Hoa* cần thêm thời gian để xác minh.

Về năm viên tịch của Trần Xuân Đình, theo thông tin trong bảng 1, các học giả Hồng Kông cho rằng ông viên tịch vào năm 1932 hoặc 1933; còn các tu sĩ Việt Nam lại cho rằng ông viên tịch năm 1936 [7, tr.180]. Tháng 11 năm 2023, tác giả sưu tầm được phán quyết của Cao đẳng Pháp viện Hồng Kông về tranh chấp quyền quản lý chùa Thanh Sơn giữa hậu duệ của gia tộc họ Đào ở Đồn Môn với Thích Quốc Hoa, trụ trì cuối cùng của chùa Thanh Sơn, trước khi ngôi chùa này được chuyển sang chùa công. Theo nội dung phán quyết, “Trần Xuân Đình, tức Hiến Kỳ, viên tịch vào năm 1932”¹³. Sau khi Đại sư Hiến Kỳ viên tịch, năm 1933, Giám viện chùa Thanh Sơn và đại chúng đồng cung thỉnh Đại sư Phật Khả (1893-1972), thế danh Bảo Sanh, tự Ấn Tãi, trụ trì Bảo Liên thiền tự, kiêm nhiệm trụ trì chùa Thanh Sơn¹⁴. Dựa vào các tư liệu này, có thể khẳng định Đại sư Hiến Kỳ viên tịch vào năm 1932.

Trong văn khai thị, Tổ sư Đế Nhân chép Trần Xuân Đình “vốn là lãnh tụ Tiên Thiên giáo” [10, tr.32]. Ngụy Đình Minh trong *Tiên tung Phật tích: T răm năm tín ngưỡng dân gian Hồng Kông* nhận định Trần Xuân Đình là “tín đồ phái Đông Sơ, hệ Triệu Nguyên động, Tiên Thiên đạo” [9, tr.42]. Đạo Minh Sư Việt Nam thuộc hệ phái này, từ trước đến nay vẫn giữ được truyền thừa từ Trung Hoa. Theo quy định, giáo phẩm của Tiên Thiên đạo chia thành: Thập Diệp (hay Thập Địa), Đảnh Hàng, Bảo Ân, Dẫn Ân, Chứng Ân, tương ứng với các chữ “Đạo, Vận, Vinh, Xương, Minh” trong đạo hiệu [15, tr.125-126]. Trong đó, thiên chức có chữ “Đạo” là người có địa vị cao trong giáo phái. Hiện chưa có thông tin nào về đạo hiệu của Trần Xuân Đình trước khi cải đạo, nhưng chỉ thiên chức Đảnh Hàng trở lên mới có thể điều động các thiên chức dưới quyền [15, tr.125-126]. Sau khi Trần Xuân Đình cải đạo theo Phật, gia nhập tông Thiên Thai, đã từng điều động bảy chức sắc đạo Minh Sư tại Long An đến chùa Thanh Sơn xuất gia, thọ giới, gia nhập Thiên Thai tông^e. Từ đây, tác giả cho rằng giáo phẩm của ông khi

^dTác giả thực hiện phỏng vấn HT Thích Tắc Phi vào ngày 21/3/2024 qua ứng dụng Zalo.

^eTrong Luận án Tiến sĩ *Tông Thiên Thai Việt Nam*, Hà Văn Dũng (Thích An Ngón) dẫn thư của Đại sư Hiến Kỳ gửi cho các đồng đạo Minh Sư tại Long An với nội dung: “Tôi nay đã bỏ Tiên theo Phật, các vị hãy sắp xếp thời gian, nghỉ cách đến đây để lãnh thọ giáo pháp Phật đà”. Sau khi nhận được thư này, bảy vị tu sĩ đạo Minh Sư đã lần lượt sang Hồng Kông xuất gia, thọ giới, gia nhập tông Thiên Thai. Nguồn: [16, tr.48].

còn là thiên chức Tiên Thiên đạo rất có thể là Đảnh Hàng hoặc Thập Địa. Ngoài ra, theo *Khánh chúc biểu văn* ¹⁷ nghĩa là “khắc mới vào mùa hè năm Mậu Thân niên hiệu Quang Tự thứ 34 (1908), bản khắc lưu tại Độ Nam đường, Hồng Kông”. Trong quyển khánh chúc này, có biểu văn tên là “Tân khánh chúc thông dụng biểu” tôn “Trung Thiên Giáo Chủ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn” làm giáo chủ, khác với truyền thống tôn Diêu Trì Kim Mẫu làm giáo chủ của Minh Sư đạo. Đây là dấu hiệu cho thấy có sự cải cách theo hướng Phật giáo hóa của vị tổ sư đứng đầu tông Phổ Tế giai đoạn này. Trần Xuân Đình có phải là vị tổ sư này hay không vẫn cần thêm tư liệu để xác thực, nhưng dựa vào khả năng điều động các thiên chức khác của ông, đã phần nào cho thấy đây là một nhân vật có địa vị rất cao trong đạo, vì nếu không phải là thiên chức có sức ảnh hưởng thì rất khó để điều động các thiên chức khác và càng không thể thuyết phục họ cải đạo.

Theo Ngụy Đình Minh, Trần Xuân Đình rời Việt Nam đến Hồng Kông một mặt là để kinh thương, mặt khác là để hoằng đạo ¹⁹, tr.42]. Trần Xuân Đình là phú thương Hồng Kông; Thích Liễu Huyền (1879-1939), tự Sâm Tuyền, hiệu Thuần Bạch, trụ trì đời thứ ba chùa Thanh Sơn chính là đệ tử chân truyền của ông. Ban đầu, Trần Xuân Đình và Trương Thuần Bạch cùng kinh doanh tại Du Ma Địa, nhưng đến những năm đầu Dân Quốc thì làm ăn thua lỗ, nên tạm dừng kinh doanh, cùng nhau đến núi Bôi Độ (nay là Thanh Sơn) ở Đồn Môn du ngoạn. Vì cảm thấy yêu thích khung cảnh yên tĩnh nơi đây, nên Trần Xuân Đình cùng Trương Thuần Bạch và một vị bằng hữu khác là Lê Ất Chân (1872-1937) đã cùng nhau lập kế hoạch mua đất và xây dựng chùa Thanh Sơn⁸. Việc làm này rất được chính quyền địa phương ủng hộ, tháng 3 năm 1914, Ty điện thổ Tân Giới ra thông báo với nội dung: Chùa Thanh Sơn ở Đồn Môn là thánh địa tu chân, cần được bảo tồn như di tích. Nay, Ty điện thổ quyết định giao cho Trần Xuân Đình làm trụ trì ngôi chùa này. Về sau, bất luận là sắc dân nào, cũng không được đến đây làm loạn, nếu dám trái lệnh, nghiêm trị không tha ¹⁸, tr.48].

Có thể vì ảnh hưởng bởi thông báo này, nên ngày 21 tháng 9 năm 1914, con cháu Đào tộc, sơn chủ của núi Thanh Sơn đã cùng nhau lập “tổng thiệp” (thiệp biểu tặng) cho Trần Xuân Đình với nội dung:

Vì nhận thấy Trần Xuân Đình là “một người làm từ thiện chân chánh”, nay giao “Thanh Vân quán, Bôi

Độ tự ở Thanh Sơn cho ông trụ trì, làm nơi cúng bái Thần Phật. Trần Xuân Đình phải nộp 360 đồng Đại dương cho Đào tộc làm công quỹ. Từ nay, Thanh Vân quán, Bôi Độ tự do Trần Xuân Đình quản lý, chịu trách nhiệm trùng tu, cải tạo, phàm là điển viên hay sản vật có liên quan và tiền cho thuê mỗi năm đều do ông quản lý”. Gia tộc học Đào đồng ý “Đào tộc không thể cưỡng chế đòi lại hay đổi trụ trì”, mà Trần Xuân Đình cũng không được “di chúc hoặc tự truyền chức trụ trì cho người khác” ¹⁸, tr.48].

Từ khi tiếp quản Thanh Vân quán và Bôi Độ tự, Trần Xuân Đình đã thu mua điển tịch xung quanh, mở rộng quy mô và tiến hành xây chùa Thanh Sơn, nên được tôn xưng là “Trung hưng Thanh Sơn tự Tổ sư”. Hiện nay, chưa nghiên cứu nào chỉ rõ nguyên nhân Trần Xuân Đình xây dựng chùa Thanh Sơn^h, nhưng nếu quan sát vị trí tọa lạc của ngôi chùa này, ta có thể hiểu được nguyên nhân ông cho xây dựng một ngôi Phật tự mà không phải là một Đạo quán. Chùa Thanh Sơn được xây dựng cạnh Thanh Vân quán, nơi thờ Đẩu Mẫu Nguyên Quân và các vị thần linh khác trong Đạo giáo, phía sau Đạo quán là di tích Bôi Độ nham, nơi thờ tượng đá của Thiền sư Bôi Độ thời Tống, dân gian tương truyền đây là nơi ngài từng tọa thiền. Từ vị trí xây dựng cho thấy, tại Thanh Sơn đã có Đạo quán Thanh Vân, Đạo quán này đã được Đào tộc giao cho ông quản lý, nên không cần thiết phải xây thêm một Đạo quán khác, mà phía sau Thanh Vân quán lại có một di tích Phật giáo, nên xây một ngôi Phật tự là hợp lý. Điều này cho thấy tính năng động và khả năng hoạch định kế hoạch của Trần Xuân Đình trong xử lý các vấn đề thực tiễn.

Thời kỳ cải đạo

Hiện nay, có hai quan điểm về năm xuất gia của Trần Xuân Đình là năm 1918 và năm 1922. Theo Ngụy Đình Minh:

Năm 1918, Trần Xuân Đình được Pháp sư Diệu Tham khai đạo mà chuyển sang tín phụng Phật pháp, đến Quán Tông tự ở Ninh Ba xin thọ giới với lão Pháp sư Đế Nhân, được ban hiệu là Hiên Kỳ. Đương thời, chùa Thanh Sơn có Cô thái họ Kim chịu trách nhiệm quản lý Khôn đạo (nữ tu sĩ), không nguyện xuất gia.

^hBia đá Liễu Huyền Đại sư truyền chép “... Ngài (Trương Thuần Bạch) vì chán cảnh hồng trần, nên theo thầy (Trần Xuân Đình) vân du Tân Giới, đến núi Bôi Độ thuộc Đồn Môn, thấy mây biếc phủ non, suối trong rì rào mà lòng không khỏi cảm thán. Một đêm trú tại cổ miếu Đẩu Mẫu (Thanh Vân quán), mộng thấy đỉnh núi mây trắng tụ hội, Phật hiện xuống, xoa đầu bảo: “Con có chí học Tiên chăng?”, sau khi tỉnh mộng liền đại ngộ mà quyết chí xuất gia...” Nguồn: Tư liệu điển dã ngày 4/4/2024 tại khu tháp mộ của chùa Thanh Sơn, Hồng Kông. Ghi chép này mang nhiều sắc thái tâm linh và trải nghiệm cá nhân khó kiểm chứng, nhưng được phần đông tín đồ chấp nhận là nguyên nhân chính khiến Trần Xuân Đình và Trương Thuần Bạch xây dựng chùa Thanh Sơn.

⁸Tác giả được Hồ Xương Phong thuật lại trong lúc phỏng vấn sâu qua ứng dụng Zalo vào ngày 10/5/2024.

⁸Nội dung trên bia đá Liễu Huyền Đại sư truyền bên tháp mộ Thích Liễu Huyền. Tư liệu điển dã ngày 4/4/2024 tại khu tháp mộ của chùa Thanh Sơn, Hồng Kông.

Lão hòa thượng Diệu Tham thấy vậy xin cô bố thí, cô nói “Hòa thượng cần gì tôi đều có thể bố thí cho”, Hòa thượng Diệu Tham đáp “Nguyên được mái tóc của cô để làm Phật sự”, nghe xong Cô thái họ Kim đại ngộ, noi theo Hòa thượng Hiên Kỳ thể phát xuất gia, sau đến Cửu Hoa sơn thọ Cụ túc [9, tr.42].

Câu chuyện Pháp sư Diệu Tham (1873-1929) khai thị cho Trần Xuân Đình và Cô thái họ Kim, khiến họ phát tâm xuất gia, thọ giới được học giả Ngụy Đình Minh tham khảo từ tiểu sử Đại sư Diệu Tham trong *Đại Tự sơn chí*¹⁹. Tác giả hoài nghi tính xác thực của ghi chép này, vì năm 1920, Đại Hùng bảo điện chùa Thanh Sơn lạc thành và cử hành An vị Phật, Cao Hạc Niên (1872-1962), húy Hằng Tùng, hiệu Ẩn Trần, cư sĩ có sức ảnh hưởng lớn của Phật giáo Trung Hoa thời cận đại, đương thời ông chu du khắp các nơi, đem những trải nghiệm trên hành trình khám phá của mình viết lại thành quyển *Danh sơn du phùng ký*, đã tặng bức hoành phi “Quang Minh Thế Giới”, lạc khoản khắc: Nay lúc lạc thành chùa, khai quang tượng Phật, khắp nơi chúc tụng, thiện tín tới lui không ngớt. Đây là nhờ Trần công Xuân Đình lãnh đạo, đức độ của Lê công Ất Chân và Trương công Thuần Bạch cư sĩ vậy!¹

Nếu Trần Xuân Đình đã xuất gia, thọ giới với Tổ sư Đế Nhân vào năm 1918 thì tại sao Cao Hạc Niên vẫn cho khắc “Trần công Xuân Đình” mà không phải là “Hiên Kỳ Pháp sư”? Đối với một cư sĩ am hiểu Phật pháp và nổi tiếng trong giới Phật giáo như Cao Hạc Niên, không thể nào cố ý cho khắc thể danh của một vị đã xuất gia lên hoành phi. Do đó, chỉ có duy nhất một khả năng là thời điểm Đại Hùng bảo điện chùa Thanh Sơn lạc thành, Trần Xuân Đình vẫn chưa xuất gia. Theo truyền thống Phật giáo Trung Hoa, quy y không phải cạo tóc mà chỉ cần giữ ngũ giới, nên rất có thể năm 1918 Trần Xuân Đình chỉ mới quy y mà chưa phải xuất gia.

Theo bài khai thị “Người có ý xuất gia nên phát Bồ đề tâm làm căn bản”:

... Mùa xuân năm sau (1922), Trần Xuân Đình quyết chí xuất sơn, ngời thuyền đến Quán Tông tự, nguyện thể phát xuất gia, thọ Kim Cang bảo giới... Nhận thấy ông thật tâm xuất gia, nhân phẩm hơn người, nên tôi (Đế Nhân) lệnh Giám viện Chí sư làm Chánh huấn, Khoa chủ Năng sư làm phó, Trụ trì Thiển trưởng lão làm Yết Ma, Đô giám Nhân sư làm Giáo thọ, đúng ngày Phật xuất gia tiến hành thể phát cho Trần Xuân Đình, ban pháp danh Đắc Chân, pháp tự Hiên Kỳ. Cũng trong đêm này, tiến hành diễn tập Tỳ Ni, trước truyền Tam quy, sau thọ Thập giới, tiếp thỉnh Thập sư đăng đàn truyền Cụ túc, đến sáng sớm ngày Đại sĩ thánh chúc thì viên mãn Tam tự tịnh giới... [10, tr.32-33].

¹Diễn đã ngày 4/4/2024 tại chùa Thanh Sơn, Hồng Kông.

Theo đây, Trần Xuân Đình đến Quán Tông tự cầu xuất gia vào năm 1922, khi ông đã 64 tuổi, được Tổ sư Đế Nhân ban pháp danh là Đắc Chân, tự Hiên Kỳ. Quá trình xuất gia đến thọ Cụ túc của ông diễn ra trong vòng 11 ngày, tức từ ngày Phật xuất gia mừng 8 tháng 2 đến ngày vía Quan Âm 19 tháng 2. Theo *Tinh Vân đại sư toàn tập*, thuở trước, xuất gia và thọ giới đều được tiến hành cùng lúc, vì xuất gia mà không thọ giới thì không tính là người xuất gia²⁰.

Về nguyên nhân xuất gia của Trần Xuân Đình, các nghiên cứu trước nay đều lí giải theo hướng ông giác ngộ hồng trần nên nguyện cải đạo theo Phật. Tác giả không loại trừ nguyên nhân được đa số chấp thuận này, nhưng vẫn hoài nghi đây có phải là nguyên nhân duy nhất khiến ông từ một lãnh tụ Tiên Thiên đạo có “hai, ba vạn tín đồ ở quần đảo Nam Dương” [11, tr.69], người có thể điều động thiên chức đạo Minh Sư tại Long An, lại cải đạo ở tuổi 64?

Qua nhiều năm nghiên cứu về Đại sư Hiên Kỳ, tác giả đã tìm thấy một giải đáp có căn cứ hơn so với các quan điểm trước nay. Theo niên phổ của Lê Ất Chân, người sáng lập Đạo tràng Phật giáo Chân Ngôn tông Cư Sĩ Lâm tại Hồng Kông, đạo hữu thân thiết của Trần Xuân Đình, vị có nhiều đóng góp trong việc xây dựng, quản lý và phát triển Thanh Sơn thiền viện:

Mùa đông năm 1920, Thanh Sơn thiền viện tuy lạc thành nhưng lại thiếu Tỳ kheo trụ trì, không đúng như pháp, nên khuyên cư sĩ Trần Xuân Đình cải đạo theo Phật, đồng thời gửi thư giới thiệu ông đến chùa Quán Tông ở Ninh Ba, nương Tổ sư Đế Nhân để được thể phát xuất gia. Chờ sau khi Trần Xuân Đình xuất gia trở về sẽ cung thỉnh làm trụ trì Thanh Sơn thiền viện, sau đó chính thức thoái lui [21, tr.67].

Theo đây, Trần Xuân Đình xuất gia để trở thành Tỳ kheo đúng pháp, sau đó trở về tiếp nhận chức vụ trụ trì chùa Thanh Sơn. Ngoài ra, theo ghi chép trong *Lê Ất Chân đại A xà lê phó cáo*, Lê Ất Chân đã nhờ Cao Hạc Niên đưa Trần Xuân Đình đến chùa Quán Tông xuất gia, thọ giới [21, tr.102]. Từ đây cho thấy, Lê Ất Chân, Cao Hạc Niên chính là những nhân vật chủ chốt thúc đẩy quá trình Trần Xuân Đình cải đạo, và ông xuất gia cũng không chỉ vì cảm ngộ hồng trần.

Thời kỳ truyền Thiên Thai tông

Sau khi xuất gia và thọ giới, Đại sư Hiên Kỳ trở về chùa Thanh Sơn, đảm nhiệm chức vụ trụ trì và khai đại giới đàn tại đây. Theo quyển *Cao tăng tông Thiên Thai Trung Hoa*, có bảy vị thiên chức đạo Minh Sư theo điều động của Đại sư Hiên Kỳ, chia làm ba đợt đến chùa Thanh Sơn:

Năm Mậu Thìn (1928), thời Dân Quốc năm thứ 17, Sư được cung thỉnh làm Đàn đầu hòa thượng đại giới

đàn tại Hồng Kông... Tại đàn này, hai vị tăng và một vị ni người Việt Nam xuất gia thọ Cụ túc giới, đó là các ngài Thích Liễu Đàm, Thích Liễu Học và Thích Nữ Liễu Tướng.

Năm Quý Dậu (1933), khai phương tiện giới đàn tại chùa Thanh Sơn... Đàn này, có ba vị tăng người Việt Nam thọ đại giới là các vị Thích Liễu Thiện, Thích Liễu Lạc và Thích Liễu Chứng.

Năm Ất Hợi (1935), Sư được tứ chúng đồng cung thỉnh làm Yết ma A xà lê tại đại giới đàn chùa Bửu Lâm núi Phụng Hoàng... Đàn này, chỉ có một vị người Việt Nam thọ giới Cụ túc là Hòa thượng Thích Liễu Túc [7, tr.183-184].

Theo tư liệu này, các tín đồ người Việt đến Hồng Kông xuất gia, thọ giới vào các năm 1928, 1933 và 1935. Tuy nhiên, các nghiên cứu tại Hồng Kông đều cho rằng Đại sư Hiến Kỳ chỉ tổ chức giới đàn vào các năm 1926 và 1929. Theo tác giả, như đã xác thực, Đại sư Hiến Kỳ viên tịch vào năm 1932, cho nên thông tin ngài tham gia truyền giới vào năm 1933 và 1935 là không chuẩn xác.

Theo quyển *Thời kỳ đầu phát triển của Phật giáo Hồng Kông* của Diệp Văn Ý:

Truyền giới tại Hồng Kông, sớm nhất là ở Lăng Vân tự, lúc này là năm 1919, thứ đến Đại Mao Bồng (nay là Bảo Liên tự) ở Ngang Bình, lúc này là vào năm 1925, sau lại đến Thanh Sơn tự, lúc này đúng vào năm Dân Quốc thứ 15 (1926). Theo ghi chép trong Đại Tự sơn chí: “Đại Tự sơn, Thanh Sơn và Quan Âm sơn hiệp nghị mỗi năm luân lưu truyền giới” [22, tr.17].

Theo đây, có thể thấy Phật giáo Hồng Kông phát triển chậm hơn các khu vực khác ở Trung Quốc vì mãi đến năm 1919 mới có giới đàn đầu tiên được tổ chức. Giới đàn chùa Thanh Sơn tổ chức năm 1926 là một trong ba giới đàn sớm nhất tại Hồng Kông, và cũng là giới đàn đầu tiên do Đại sư Hiến Kỳ tổ chức tại chùa Thanh Sơn.

Theo *Nghiên cứu về lịch sử khu vực Đồn Môn, Hồng Kông* của Lưu Trí Bằng và Lưu Thục Vĩnh, đàn Tỳ kheo chùa Thanh Sơn năm 1926 có hai giới tử quốc tịch Việt Nam là Tu Thành và Tu Tắt đến xuất gia, thọ giới với Đại sư Hiến Kỳ [23, tr.49]. Tu Tắt chính là HT Thích Liễu Đàm (1887-1951), còn Tu Thành là HT Thích Liễu Học (1874-1942), cả hai đều là thiên chức đạo Minh Sư, theo điều động của Đại sư Hiến Kỳ mà đến xuất gia, thọ giới. Từ đây cho thấy, thông tin năm 1928 hai vị Liễu Đàm và Liễu Học tham gia giới đàn tại chùa Thanh Sơn là chưa chuẩn xác. Hiện tác giả chưa tìm được tư liệu cho thấy giới đàn năm 1926 có sự tham gia của giới tử Tỳ kheo Ni Thích Nữ Liễu Tướng (Tu Hào, 1890-1976), cháu của Đại sư Hiến Kỳ, nên tạm thời chưa thể xác định vị này có đến Hồng Kông

cùng với HT Thích Liễu Học và HT Thích Liễu Đàm hay không.

Hai giới đàn tiếp theo tại chùa Thanh Sơn được tổ chức vào năm 1928 và 1929. Theo nội dung thư của Đại sư Hiến Kỳ gửi cho Đại sư Bảo Tịnh (1899-1940) vào ngày 25 tháng 5 năm 1929:

Bảo Tịnh pháp sư huệ giám:

Học trò, từ khi thọ giới nơi Đế lão Pháp sư^l, vẫn chưa có chút tiến bộ, để tháng ngày trôi qua vô ích, chưa làm được điều gì lợi lạc, thật hổ thẹn vì cô phụ kỳ vọng của ân sư, lại không tự lượng sức mà đảm nhiệm một kỳ truyền giới tại bốn tự Thanh Sơn vào tháng 9 năm ngoái (1928). Năm nay, sẽ tuân theo quy trước mà tổ chức giới đàn vào ngày mùng 1 tháng 9. Song, thân như gỗ mục, trí tựa cành khô, khó kham nổi trọng trách, sai sót e rằng khó tránh... Vì vậy, học trò cả gan khởi vọng tưởng, tha thiết thỉnh cầu Đế lão Pháp sư hoan hỷ quang lâm Thanh Sơn vào giới kỳ năm nay, đảm nhận Đắc giới sư... Đế lão luôn lấy đại bi làm hoài bão, từng không quản ngại gian lao, hoằng hóa nơi biên địa. Nay lẽ nào lại bỏ quên vùng đất xa xôi Quảng Đông này?... Nếu được ngài thương xót mà hứa khải, thì chẳng những khiến bảo châu tỏa sáng nơi biển Hương^k, pháp vũ thấm nhuần khắp Nam Hoa, mà còn là phước lành cho giáo giới nơi đây. Nay xin quyết đến giữa tháng bảy, sẽ cung thỉnh pháp sư Tâm Quang thân hành sang Chiết Giang, cung nghinh bảo tòa của Đế lão Pháp sư...

Hậu học Hiến Kỳ kính lễ!

Ngày 25 tháng 5 năm thứ 18 (1929) [24, tr.65].

Qua nội dung thư, Đại sư Hiến Kỳ đã từng mở giới đàn tại chùa Thanh Sơn vào tháng 9 năm 1928, nay muốn tiếp tục khai đàn vào ngày mùng 1 tháng 9 năm 1929, nên đã gửi thư cho Đại sư Bảo Tịnh, đệ tử tâm đắc và cũng là truyền nhân của Tổ sư Đế Nhân, nhờ khuyến thỉnh Tổ quang lâm chùa Thanh Sơn, đảm nhiệm trọng trách Đắc giới sư.

Sau khi nhận được thư của Đại sư Bảo Tịnh khấu trình về sự vụ Đại sư Hiến Kỳ bá thỉnh pháp giá đến Thanh Sơn, Tổ sư Đế Nhân phúc đáp như sau:

Gửi Pháp sư Bảo Tịnh:

Hôm qua nhận được thư của Pháp sư, đính kèm thư gửi từ Hồng Kông, mới hay rằng Hiến Kỳ ở Thanh Sơn lại muốn tổ chức giới đàn. Thật đúng là kẻ điếc không sợ súng! Xin hỏi, giới mà y muốn truyền là giới gì? Chỉ truyền Ngũ giới, hay cả ba đàn Sa di, Tỳ kheo và Bồ tát giới? Nếu là truyền cả ba đàn giới, vậy thử hỏi ba đàn ấy bao gồm những gì? Dù có thể thuộc lòng danh mục giới phẩm, nhưng liệu có đủ khả năng phân biệt rõ các điều khai, giá, trì, phạm, có thể phân

^l Ý nói Tổ sư Đế Nhân

^k Ý nói Hồng Kông.

định tội nhẹ, tội nặng hay chẳng? Nếu chưa tường tận, thì bản thân đã phạm điều thứ 18 trong Kinh Phạm Võng “Vô giải tác sư giới”¹, nếu lại phạm điều thứ 41 “Vị lợi tác sư giới”^m, thì tội càng sâu dày. Vậy mà còn dám nói đến hai chữ “truyền giới” ư? Chẳng những không nên nói, mà chỉ cần khởi niệm muốn khai giới đàn thôi cũng đã là trọng tội! Điều này chẳng khác nào người mù dắt kẻ mù, cùng nhau rơi vào hố lửa, không những vô ích mà còn tạo thêm tội nghiệp. Lấy giới luật chư Phật chế định mà xem như trò đùa của trẻ nhỏ, tội nặng đến mức của địa ngục A tỳ đã rộng mở. Nếu đã lỡ tạo nghiệp này, xin hỏi, y sẽ đến đâu để sám hối đây? Vì thế ta mới nói “kẻ điếc không sợ súng”, ý chính là vậy! Lão tăng cả đời không muốn truyền giới, chỉ e phạm tội địa ngục. Nay y lại cầu lão thuyết giới, chẳng phải là muốn kéo lão cùng vào địa ngục A tỳ, xem như trả ơn thế độ hay sao? Huống hồ, trong thư hoàn toàn không có ngôn từ thể hiện tôn ti sư thừa, chỉ thấy đầy cống cao ngã mạn, không hề biết tăng nghi phép tắc, lễ chế tông môn. Y muốn làm gương cho người khác, nhưng thực chất là đập đổ tông phong, chẳng khác nào “trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử”! Nghĩ đến đây, lão không khỏi rơi lệ. Lão tăng đối với việc truyền giới luôn canh cánh trong lòng, mỗi lần truyền giới xong, lúc canh năm đều quỳ trước Phật sám hối tội lỗi, chỉ vì thế duyên bắt buộc, bắt đắc dĩ mới làm, tuyệt không giống những kẻ tự khởi tâm lập đàn. Nếu y không phải đệ tử của lão, thì lão cũng chẳng liên quan, mặc cho y tạo nghiệp gì cũng chẳng can dự. Khi y không cầu lão thuyết giới, lão cũng chẳng bận tâm. Nhưng nay y đã cầu lão, thì lão không thể không nói. Không nói là lỗi của lão, nói mà y không theo thì là tội của y. Xin hỏi Pháp sư, lão có thể giữ im lặng được chăng?... [10, tr.156].

Đại sư Hiền Kỳ xuất gia năm 1922, khi đã 64 tuổi, sau khi xuất gia thì trở về Hồng Kông tiếp quản chùa Thanh Sơn, thời gian tu học tại chùa Quán Tông rất ít. Tính đến năm 1929, ông chỉ mới xuất gia được 7 năm, xét theo hạ lạp thì quả thật không đủ để đảm nhiệm trọng trách Đắc giới sư, nên Tổ sư Đế Nhàn mới cử tội và cự tuyệt thỉnh cầu của ông. Tuy lời lẽ của Tổ trong thư có phần thẳng thắn nhưng đều xuất phát từ mong muốn đệ tử của mình biết tầm quý mà sám hối, ăn năn.

Theo “Hộ giới điệp” của Tỳ kheo Thế Kính:

...Giới đàn chùa Thanh Sơn do Hòa thượng Đắc Chân làm Đắc giới sư, Hòa thượng Hư Vân làm Yết ma, Hòa thượng Kỳ Tu làm Giáo thọ... Giới điệp cấp ngày mùng 8 tháng 4 năm Dân Quốc thứ 18 (1929)...²⁵.

Đắc Chân chính là pháp danh của Đại sư Hiền Kỳ, từ đây cho thấy, sau khi bị Tổ từ chối thỉnh cầu, ngài đã

tự đảm đương trọng trách Đàn đầu Hòa thượng của giới đàn chùa Thanh Sơn năm 1929. Yết ma và Giáo thọ của đàn này đều là những bậc long tượng của Phật giáo Trung Hoa, trong đó Đại sư Hư Vân là nhân vật truyền kỳ của giới Phật giáo, được đông đảo tăng ni, Phật tử kính trọng. Theo ghi chép trong “Đồng giới lục” àùáà²²

Qua những chứng cứ và phân tích trên, có thể xác định Đại sư Hiền Kỳ tổ chức giới đàn tại chùa Thanh Sơn vào các năm 1926, 1928 và 1929. Trong đó, HT Thích Liễu Đàn và HT Thích Liễu Học là hai thiên chức đạo Minh Sư đến chùa Thanh Sơn xuất gia, thọ giới vào năm 1926. Các thiên chức khác như: Liễu Thiển, Liễu Lạc, Liễu Chứng, Liễu Túc, Liễu Tướng (Ni) xuất gia và thọ giới vào các năm 1928 và 1929.

Các nghiên cứu trước nay đều cho rằng tông Thiên Thai truyền đến Việt Nam vào năm 1928. Tuy nhiên, tác giả cho rằng tông này truyền đến Việt Nam vào năm 1927, tức sau khi HT Thích Liễu Đàn và HT Thích Liễu Học thọ giới trở về.

Theo “Lịch sử hình thành chùa Pháp Giới”:

Thời Pháp thuộc (năm 1927) Cố Đại lão Hòa thượng Thích Liễu Học thuộc hệ phái Thiên Thai giáo Quán Tông đã khai sơn chùa Pháp Giới, chư tôn túc giáo phẩm thời đó như: cố Hòa thượng Thích Liễu Thiển, Hòa thượng Thích Liễu Lạc, Hòa thượng Thích Liễu Túc, Hòa thượng Thích Liễu Chứng và sư bà Liễu Tướng...v.v thường tới chùa Pháp Giới hành đạo²⁶.

HT Thích Liễu Học thọ giới tại chùa Thanh Sơn vào tháng 9 năm 1926, sau đó trở về Việt Nam và xây dựng chùa Pháp Giới vào năm 1927. Đây là ngôi chùa đầu tiên do tu sĩ tông Thiên Thai xây dựng và là nơi vân tập của các vị trưởng lão được chân truyền từ Đại sư Hiền Kỳ. Từ đây, có thể xác định tông Thiên Thai chính thức truyền đến Việt Nam vào năm 1927.

Theo tài liệu do HT Thích Tắc Phi cung cấp, năm 1970, Đại hội toàn tông phái Thiên Thai được tổ chức tại chùa Pháp Hội, quyết nghị thành lập tổ chức Phật giáo “Thiên Thai Giáo Quán tông”, tôn HT Thích Đạt Hương (1990-1987) làm tông trưởng, HT Thích Đạt Hào (1917-1996) làm tông phó. Tính đến nay, Thiên Thai Giáo Quán tông đã trải qua năm đời tông trưởng gồm: HT Thích Đạt Hương, HT Thích Đạt Hào, HT Thích Đạt Đồng (1923-2015), HT Thích Tắc An (1926-2017), HT Thích Tắc Lãnh (1946-2022) và đương nhiệm HT Thích Lăng Huỳnh²⁷. Năm 2015, Đại giới đàn đầu tiên mang tôn hiệu Hiền Kỳ được tổ chức tại Long An, nơi phát xuất của tông Thiên Thai Việt Nam. Giới đàn này có 1.087 giới tử tham gia, trong đó 225 giới tử Tỳ kheo, 210 giới tử Tỳ kheo Ni, 209 giới tử Thức xoa ma na, 251 giới tử Sa di và 162 giới tử Sa di ni²⁸.

¹Nghĩa là “giới không hiểu biết mà làm thấy

^mNghĩa là “giới vị lợi mà làm thấy”.

28. Giác Ngộ online. "Long An: Trang nghiêm khai mạc Đại
giới đàn Hiến Kỳ". Truy cập ngày 3/3/2025 ; 2015. Avail-
able from: <https://giacngo.vn/long-an-trang-nghiem-khai-mac-dai-gioi-dan-hien-ky-post29350.html>.

Great master Hien Ky and the transmission of the Tiantai sect in Vietnam

Huynh Hoang Nam*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

At the beginning of the 20th century, Great master Hien Ky (1858-1932), the abbot of Ching Shan Monastery (Ching Shan Temple) in Hong Kong, China, mobilized the Minh Su dao clergy in Long An to travel to Hong Kong for ordination, where they took monastic vows and were admitted into the Tiantai Sect, thereby indirectly transmitting this lineage to Vietnam. After its introduction to Vietnam, the Tiantai Sect was swiftly embraced, establishing firm roots and spreading widely across both the northern and southern regions. It later became one of the nine Buddhist sects that participated in the founding of the Vietnam Buddhist Sangha in 1981 at Quan Su Temple in Hanoi. Currently, the research on Great master Hien Ky and the transmission of the Tiantai Sect in Vietnam remains quite limited due to a lack of reference materials, as well as insufficient cross-referencing among studies, leading to inconsistencies in research findings. Through fieldwork, in-depth interview methods, and comparative, historical and logical analyses, along with new documents such as the ordination vows from Ching Shan Monastery's Grand Ordination in the 18th year of the Republic of China at the verdict on the dispute between Ching Shan Monastery and the Dao family at Tuen Mun, Hong Kong, correspondence between Great master Hien Ky, Great master Bao Tinh, Patriarch De Nhan and internally circulated documents of Minh Su dao. This study aims to elucidate the transmission of the Tiantai Sect to Vietnam and to clarify the life and religious achievements of Great master Hien Ky.

Key words: Great master Hien Ky, Ching Shan Monastery, Minh Su dao, Tiantai Sect

National Cheng Kung University,
NCKU-TW

Correspondence

Huynh Hoang Nam, National Cheng Kung University, NCKU-TW

Email: namspnv1418@gmail.com

History

- Received: 26-02-2025
- Revised: 15-07-2025
- Accepted: 10-10-2025
- Published Online: xx-xx-xxxx

DOI :



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Hoang Nam H. **Great master Hien Ky and the transmission of the Tiantai sect in Vietnam.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; x(x):xxxx-xxxx.